

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15- 5- 2024.

V/v: Không công nhận là vợ chồng
Và tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Tòng Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

2. Ông Hoàng Quang Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý A Đà -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải: bà Vừ Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2024 về việc: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* anh Giàng A T, sinh năm 1981; Trú tại: bản T, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* chị Lý Thị N, sinh năm 1987; trú tại: Bản T, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 03 năm 2024 nguyên đơn anh Giàng A T trình bày: Anh và chị Lý Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. C sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, chị N đã bỏ nhà đi làm ăn xa thỉnh thoảng gọi điện về hỏi thăm gia đình và không nói địa chỉ ở đâu, không chịu về nhà. Nay anh T

xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- *Về con chung*: Có 03 con chung:

1. Giàng A T1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2006
2. Giàng A L, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009
3. Giàng A D, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2013

Hiện nay đang ở cùng bố tại bản Tà Ghênh, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái; anh Giàng A T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu chị Lý Thị N cấp dưỡng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/04/2024 các cháu Giàng A T1, Giàng A L và cháu Giàng A D khai nhận “Nếu bố, mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố”.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn*: Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ chị Lý Thị N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh, không hợp tác nên không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì.

- *Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 03 tháng 04 năm 2024*: Chị Lý Thị N bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2018, không rõ đi đâu, làm gì, chính quyền địa phương không nắm được.

Xác minh về quan hệ hôn nhân: anh Giàng A T và chị Lý Thị N chung sống như vợ chồng từ năm 2005, không đăng ký kết hôn, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương; hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau gây mất an ninh trật tự tại nơi cư trú.

Xác minh về con chung: Vợ chồng anh Giàng A T và chị Lý Thị N có 03 con chung là:

1. Giàng A T1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2006
2. Giàng A L, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009
3. Giàng A D, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2013

Hiện nay đang ở cùng bố tại bản Tà Ghênh, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Xét về điều kiện kinh tế thì anh T có đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng; nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 và 238 của Bộ luật tố

tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận anh Giàng A T và chị Lý Thị N là vợ chồng; về con chung giao cho anh Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung; chị Lý Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Giàng A T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn chị Lý Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ; tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt; nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A T và chị Lý Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng không đăng kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Lý Thị N đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình, A Giàng A T xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên anh T làm đơn yêu cầu ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng A T và chị Lý Thị N có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận anh Giàng A T và chị Lý Thị N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Giàng A T1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2006, Giàng A L, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 và cháu Giàng A D, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2013; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về quan điểm giải quyết của kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho nguyên đơn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Giàng A T và chị Lý Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Giàng A T1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2006, Giàng A L, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 và cháu Giàng A D, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2013; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã L, H.MCC;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Tòng Văn Q